

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thưởng vượt thu so với dự toán từ các
khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 5057/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị quy định thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương; Báo cáo thẩm tra số 91/BC-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và thời gian thực hiện

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thưởng vượt thu và sử dụng kinh phí thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương.

3. Thời gian thực hiện

Áp dụng trong niên độ ngân sách năm 2018, năm 2019 và năm 2020.

Điều 2. Nội dung quy định thưởng vượt thu

1. Nguyên tắc xét thưởng

a) Ngân sách cấp tỉnh thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia cho ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp huyện thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia cho ngân sách cấp xã.

b) Tổng số thu phân chia điều tiết ngân sách cấp tỉnh, điều tiết ngân sách cấp huyện phải tăng so với dự toán được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

c) Căn cứ để xét thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách là tổng các khoản thu phân chia vượt so với dự toán (trừ nguồn thu mới), không tính riêng từng khoản thu.

d) Số vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia phải trích tạo nguồn cải cách tiền lương; số vượt thu còn lại được sử dụng theo quy định, trong đó có thưởng vượt thu.

đ) Số được thưởng cho từng huyện, thị xã, thành phố; từng xã, phường, thị trấn không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước của địa phương đó. Trường hợp số được thưởng lớn hơn số tăng thu so với thực hiện năm trước thì chỉ thưởng bằng mức tăng thu so với thực hiện năm trước. Trường hợp số thu so với thực hiện năm trước không tăng, địa phương không được xét thưởng.

e) Tổng số thưởng vượt thu cho ngân sách cấp dưới không vượt quá tổng số thu từ các khoản thu phân chia vượt dự toán của ngân sách cấp trên, sau khi thực hiện trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

2. Mức thưởng

a) Mức thưởng vượt thu dự toán của ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện không quá 30%/tổng số thu từ các khoản thu phân chia trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố điều tiết ngân sách tỉnh vượt dự toán (sau khi trừ nguồn thu mới và trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định), nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước và tối đa 50 tỷ đồng/huyện, thị xã, thành phố.

b) Mức thưởng vượt thu dự toán của ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã không quá 30%/tổng số thu từ các khoản thu phân chia trên địa bàn xã, phường, thị trấn điều tiết ngân sách cấp huyện vượt dự toán (sau khi trừ nguồn thu mới và trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định) nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước và tối đa 5 tỷ đồng/xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Sử dụng nguồn thưởng vượt thu

Các cấp ngân sách dành tối đa 50% nguồn thưởng vượt thu để bố trí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, thưởng cho ngân sách cấp dưới và chi thường xuyên; phần còn lại sử dụng chi đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng của địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp lập phương án sử dụng nguồn thưởng vượt thu, trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Ban TVTU, TT HĐND;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH (Phiên).

Gửi
qua
trực
văn
bản
liên
thông

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường